

Số: 21/2018/DS - ST
Ngày 05 tháng 10 năm 2018
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đỗ Văn L trình bày:

Do có quan hệ gia đình nên ngày 20/02/2014, ông cho bà Đỗ Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để làm ăn buôn bán. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 năm. Bà H là người trực tiếp nhận tiền vay và viết giấy nhận nợ với ông. Quá trình trả nợ, bà H đã trả tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho ông. Số tiền lãi, hàng tháng bà H đã trả cho ông cụ thể là bao

nhiều thì ông không nhớ. Ngày 17/4/2017, ông cho bà H vay thêm số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), đến ngày 19/7/2017, ông lại tiếp tục cho bà H vay thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nữa. Hai bên cũng thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay của 02 lần vay thêm là 06 tháng. Bà H là người trực tiếp nhận tiền và viết giấy nhận nợ. Sau khi vay tiền, bà H trả lãi cho ông đầy đủ. Đến hết tháng 7/2017, bà H tuyên bố vỡ nợ và không trả thêm cho ông đồng lãi nào nữa. Nhiều lần ông đến nhà bà H để đòi nợ nhưng bà H cứ khất lần khất lượt không chịu trả nợ cho ông. Tính đến ngày 26/7/2018, ông L xác định, bà H còn nợ ông tổng số tiền gốc và lãi là 478.000.000 đồng (Bốn trăm, bảy mươi tám nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh từ tháng 7/2017 cho đến ngày 30/7/2018 là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa ông L xác định, Tính đến ngày 24/8/2018, bà H còn nợ ông tổng số tiền cả gốc và lãi là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh kể từ tháng 7/2017 đến hết tháng 8/2018, ông và bà H thống nhất thỏa thuận tính theo mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Nay ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ ngay cho ông toàn bộ số tiền trên.

Về tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ tháng 9/2018 cho đến khi bà H trả xong nợ. Ông L và bà H đã thỏa thuận tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Riêng khoản tiền trả lãi của bà H đối với số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc, bà H vay ông vào ngày 20/02/2014. Ông không nhớ chính xác, bà H đã trả cho ông trước thời điểm tháng 7/2017 là bao nhiêu nên ông L tự nguyện không đề nghị Tòa án tính lại lãi suất. Ngoài ra ông L còn xác định, toàn bộ số tiền mà ông cho bà H vay trong 03 giấy nhận nợ là tiền riêng của ông không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị Lợi là vợ ông. Khi ông giao tiền, bà H là người trực tiếp nhận tiền và một mình bà H giao dịch vay tiền với ông nên khoản tiền mà bà H hiện đang nợ ông là tiền nợ riêng của bà H không liên quan gì đến ông Đỗ Văn Thanh là chồng của bà H.

Bị đơn là bà Đỗ Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bà H trình bày:

Bà thừa nhận thời gian vay nợ; số tiền vay; lãi suất vay và thời gian trả lãi như lời trình bày trên của ông L là đúng. Bà H xác định, khi ông L cho bà vay tiền thì chỉ có bà và ông L giao dịch vay nợ với nhau, bà là người trực tiếp nhận tiền

và viết giấy nhận nợ với ông L. Số tiền hiện nay bà đang nợ ông L là tiền nợ riêng của bà không liên quan gì đến ông Đỗ Văn Thanh là chồng bà. Ban đầu do việc làm ăn thuận lợi nên bà đã trả lãi hàng tháng đầy đủ cho ông L, bà không nhớ chính xác số tiền lãi mà bà đã trả cho ông L trước thời điểm tháng 7/2017 là bao nhiêu nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc bà mất khả năng trả nợ cho ông L. Nhiều lần ông L đã đôn đốc nợ và giãn nợ cho bà nhưng bà vẫn không có khả năng để trả nợ. Tính đến ngày 24/8/2018, bà xác định, bà còn nợ ông L tổng số tiền cả gốc và lãi là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ tháng 7/2017 đến hết tháng 8/2018 theo mức lãi suất 1%/tháng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Nay ông L khởi kiện, yêu cầu bà phải trả nợ cho ông L toàn bộ số tiền trên. Bà đồng ý, nhưng vì hiện tại việc kinh doanh của bà không thuận lợi nên bà chưa có khả năng trả nợ cho ông L số tiền trên vào một lần. Vì vậy, bà đề nghị ông L cho bà được trả nợ dần số tiền trên theo phân kỳ hàng tháng. Bắt đầu từ tháng 10/2019 cho đến khi trả xong nợ, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Về phần lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa trả kể từ tháng 9/2018 cho đến khi trả xong nợ. Bà đề nghị Tòa án tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị H phải trả nợ cho ông Đỗ Văn L tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến tháng 8/2018 là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi phát sinh kể từ tháng 7/2017 đến hết tháng 8/2018 theo mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc chưa trả là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiếp tục trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với dư nợ gốc chưa trả kể ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến bà H trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên và lời trình bày của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật: Theo nguyên tắc, sự kiện pháp lý xảy ra ở thời điểm nào thì áp dụng pháp luật ở thời điểm đó. Giao dịch dân sự giữa ông L và bà Đỗ Thị H được xác lập năm 2014 đối với khoản nợ 200.000.000 đồng và 02 khoản nợ mỗi khoản 100.0000.000 đồng được xác lập năm 2017 đến nay xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết đối với khoản nợ được xác lập năm 2014, còn đối với khoản vay được xác lập năm 2017 và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả tính đến hết tháng 7/2017 thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Văn L là nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Đỗ Thị H về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Bà Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vì bận công việc nên bà không tham gia phiên tòa được. Bà H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, ông L cho bà H vay tổng số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ cho ông L số tiền nợ gốc trên. Riêng về tiền lãi, trong quá trình giải quyết vụ án. Ông L và bà H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau, tiền lãi tính từ tháng 7/2017 đến tháng 8/2018 là 40.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng. Mặc dù, các bên đương sự đã thỏa thuận tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả từ tháng 7/2017 đến tháng 8/2018 là 1% /tháng nhưng tính thành tiền thì số tiền lãi mà các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau ở trên chưa đến 1%/tháng.

Riêng khoản nợ gốc 200.000.000 đồng, bà H vay ông L vào ngày 20/02/2014 trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Về nguyên tắc, lãi suất sẽ được tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và sẽ phải tính lại lãi suất. Tuy nhiên, do ông L và bà H không nhớ cụ thể số tiền lãi mà bà H đã trả trước thời điểm tháng 7/2017 đối với khoản vay nợ năm 2014 cho ông L, đồng thời ông L và bà H tự nguyện không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất và thống nhất thỏa thuận lãi suất phát sinh đối với khoản vay nợ năm 2014 là 1%/tháng. Xét thấy, thỏa thuận trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Đỗ Thị H phải trả nợ cho ông Đỗ Văn L tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến tháng 8/2018 là 440.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả tính đến hết tháng 8/2018 là 40.000.000 đồng và tiếp tục trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với dư nợ gốc chưa trả kể từ tháng 9/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là bà Đỗ Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471; điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463; 466; 468, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L. Buộc bà Đỗ Thị H phải trả nợ cho ông Đỗ Văn L tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết tháng 8 năm 2018 là 440.000.000 đồng (Bốn trăm, bốn mươi triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi tính từ tháng 7/2017 đến hết tháng 8/2018 là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ tháng 9/2018 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 21.600.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đỗ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000 đồng (Mười một triệu, lăm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số : AA/2017/0000462 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bích Hạnh